

Biểu mẫu số 01:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 232 /BC-UBND ngày 31/10/2025 của UBND đặc khu Lý Sơn)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm					Tổng cả giai đoạn	So sánh với giai đoạn 2016-2020 (%)	Dự kiến giai đoạn 2026-2030
			2021	2022	2023	2024	Dự kiến 2025			
I	Sản xuất thủy sản									
1	Tổng sản lượng thủy sản	nghìn tấn	30335	28380	27425	28445	28490	143075		
2	Sản lượng khai thác thủy sản	nghìn tấn	30000	28000	27000	28000	28000	141000		
a	Sản lượng khai thác hải sản	nghìn tấn								
	- Cá ngừ	nghìn tấn								
	- Cá khác	nghìn tấn								
	- Nhuyễn thể	nghìn tấn								
	- Giáp xác	nghìn tấn								
	- Thủy sản khác	nghìn tấn								
b	Sản lượng khai thác thủy sản nội địa	nghìn tấn								
	- Đối tượng	nghìn tấn								
	...	nghìn tấn								
3	Sản lượng nuôi trồng thủy sản	nghìn tấn	335	380	425	445	490	2075		
a	Sản lượng nuôi trồng hải sản	nghìn tấn								
	- Cá	nghìn tấn								
	- Tôm	nghìn tấn								
	- Khác	nghìn tấn								
b	Sản lượng nuôi trồng nội địa	nghìn tấn								
	- Cá tra	nghìn tấn								
	- Tôm nước lợ	nghìn tấn								
	- Đối tượng khác	nghìn tấn								
4	Diện tích đất nuôi trồng thủy sản	ha								
a	Diện tích nuôi cá tra	ha								
b	Diện tích nuôi tôm nước lợ	ha								
c	Diện tích nuôi trồng hải sản	ha	12	12	12	12	12			
d	Thể tích lồng nuôi hải sản	m³								
II	Cơ sở dịch vụ hậu cần									
1	Cảng cá	cảng								
	- Cảng loại I	cảng								
	- Cảng loại II	cảng								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm					Tổng cả giai đoạn	So sánh với giai đoạn 2016-2020 (%)	Dự kiến giai đoạn 2026-2030
			2021	2022	2023	2024	Dự kiến 2025			
	- Cảng loại III	cảng								
	---	cảng								
2	Khu neo đậu tránh trú bão	khu								
	- Cấp vùng	khu								
	- Cấp tỉnh	khu	1	1	1	1	1			
3	Cơ sở dịch vụ									
	- Kho hàng	kho								
	- Chơ thủy sản	chơ								
	- Cơ sở đóng, sửa tàu	cơ sở								
	- Cơ sở sản xuất ngư cụ	cơ sở								
	- Cơ sở sản xuất nước đá	cơ sở								
	- Cơ sở chế biến	cơ sở								
	...									
4	Quản lý tàu cá	tàu	551	541	542	541	542			
	6 -< 12m	tàu								
	12 -< 15m	tàu								
	15 -< 24m	tàu								
	>24m	tàu								
III	Nguồn lực									
1	Lao động tham gia sản xuất thủy sản	người								
	- Khai thác hải sản	người	4300	4200	4100	4200	4300			
	- Khai thác thủy sản nội địa	người								
	- Nuôi trồng thủy sản biển	người	300	300	300	300	300			
	- Nuôi trồng thủy sản nội địa	người								
2	Nguồn vốn đầu tư									
a	Nguồn ngân sách	triệu VNĐ								
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng	triệu VNĐ								
	- Đầu tư khác	triệu VNĐ								
b	Nguồn vốn huy động	triệu VNĐ								
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng	triệu VNĐ								
	- Đầu tư khác	triệu VNĐ								

Biểu mẫu số 02:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC THUỶ SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2025
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-TSBĐ ngày /10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/điều chỉnh cuối cùng					Quy mô, công suất tăng thêm sau đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						NSTW	NSDP	Vốn khác	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11
A	KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025								
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSTW								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSDP								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/điều chỉnh cuối cùng					Quy mô, công suất tăng thêm sau đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						NSTW	NSDP	Vốn khác	
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
III	ĐỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN HUY ĐỘNG KHÁC								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
B	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/điều chỉnh cuối cùng					Quy mô, công suất tăng thêm sau đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						NSTW	NSDP	Vốn khác	
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSTW								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSDP								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/điều chỉnh cuối cùng					Quy mô, công suất tăng thêm sau đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						NSTW	NSDP	Vốn khác	
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
III	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN HUY ĐỘNG KHÁC								
I.1	Cảng cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.3	Hạ tầng phát triển Giống thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.4	Hạ tầng phát triển Nuôi trồng thủy sản								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								
I.5	Dự án thủy sản khác								
1	Dự án ...								
...	Dự án ...								

Ghi chú: Về quy mô, công suất đầu tư tăng thêm:

(1) Đối với cảng cá: Số lượt tàu cập cảng, lượng thủy sản qua cảng trong năm;

(2) Đối với khu neo đậu tránh trú bão: Số lượng tàu/công suất tàu vào neo đậu tránh trú bão;

(3) Đối với vùng nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha);

(4) Đối với Trung tâm sản xuất giống, vùng sản xuất giống tập trung: Chủng loại, số lượng con giống sản xuất.